

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học
Năm học 2022 -2023

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Ngành Quản lý văn hóa

1.1. Chuyên ngành: Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật (Khóa: 2022 - 2026)

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|---|------------|----------------------|--|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Phần 1 | <ul style="list-style-type: none">- Xác định được những vấn đề chung của Chủ nghĩa Mác- Lênin.- Hiểu được nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.- Vận dụng được kiến thức học phần vào giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin.- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, nêu cao trách nhiệm, tinh thần kỷ luật trong học tập và công tác. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 2 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | <ul style="list-style-type: none">- Khái niệm, chức năng của văn hóa; các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam.- Sự tương đồng và khác biệt của văn hóa Việt Nam với văn hoá các nước khác trong khối Đông Nam Á, trong khu vực và với thế giới.- Vận dụng kiến thức về văn hóa và văn hóa Việt Nam để nhận | 3 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|----------------------|--|---|----------|--|
| | | <p>diện các hiện tượng văn hóa cụ thể trong đời sống xã hội.</p> <p>- Có ý thức học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc.</p> | | | |
| 3 | Tâm lý học đại cương | <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu mục tiêu, nhiệm vụ và vai trò của Tâm lý học đối với cuộc sống và hoạt động trong từng lĩnh vực nghề nghiệp văn hóa cụ thể.</p> <p>+ Nắm vững những khái niệm cơ bản về tâm lý người, nguồn gốc, bản chất, các quy luật vận hành của hiện tượng tâm lý.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào từng lĩnh vực hoạt động văn hóa, xử lý các tình huống cụ thể trong hoạt động nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.</p> <p>+ Có kỹ năng làm việc với mọi người, biết tự định hướng, rèn luyện bản thân đáp ứng yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp</p> <p>- Về thái độ:</p> <p>+ Có ý thức học tập, rèn luyện để trở thành người hoạt động trong lĩnh vực Văn hóa Thông tin giỏi.</p> <p>+ Tích cực học tập, thích nghiên cứu, thực hành các vấn đề của Khoa học tâm lý.</p> | 2 | Học kỳ 1 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận, trắc nghiệm</p> |
| 4 | Mỹ học đại cương | <p>- 1: Có kiến thức cơ sở khoa học về Mỹ học đại cương.</p> <p>- 2: Có tư duy và hoạt động thực tiễn thẩm mỹ.</p> <p>- 3: Vận dụng hiệu quả các kỹ năng xây dựng nền tảng thẩm mỹ</p> | 2 | Học kỳ 1 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi</p> |

| | | | | | |
|---|--|---|---|----------|--|
| | | trong các lĩnh vực đời sống xã hội. | | | kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 5 | Lịch sử văn minh thế giới | <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị kiến thức cơ bản về về văn minh nhân loại: Sự hình thành, phát triển và suy tàn của các nền văn minh lớn trên thế giới; thành tựu và những đóng góp của các nền văn minh đó đối với tiến trình phát triển lịch sử nhân loại. - Rèn luyện các kỹ năng hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích, so sánh,... để nhận thức được tính phong phú, đa dạng của văn minh thế giới; tính đặc thù của từng nền văn minh, từng khu vực (Đông Nam Á, phương Đông, phương Tây...). - Vận dụng kiến thức học phần vào thực tế để lý giải một số vấn đề mang tính lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc và thế giới. - Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, văn minh của dân tộc và nhân loại. | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 6 | Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> - Trang bị kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng phương Đông từ cổ đại đến hiện đại, từ đó sinh viên nhận thức sâu sắc quy luật kế thừa và phát triển của lịch sử tư tưởng, rút ra những kinh nghiệm và bài học cho quá trình hoạt động thực tiễn hiện nay. - Giúp sinh viên tìm hiểu tinh hoa văn hóa của các dân tộc Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập qua các thời đại, những đóng góp của các nhà tư tưởng vào kho tàng tư tưởng nhân loại. - Kiến thức học phần còn là cơ | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |

| | | | | | |
|---|--------------------------------|--|---|----------|--|
| | | sở để phục vụ nghiên cứu, học tập các học phần chuyên ngành. | | | |
| 7 | Khoa học quản lý | <p>1. Kiến thức cơ bản về khoa học quản lý: Khái niệm; bản chất; phân loại; vai trò; lịch sử các học thuyết quản lý.</p> <p>2. Kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp quản lý; quyết định và thông tin trong quản lý; chức năng của quản lý; quản lý sự thay đổi.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng kiến thức về khoa học quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình quản lý.</p> <p>4. Thái độ tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của quản lý trong một tổ chức.</p> | 2 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) vấn đáp, thuyết trình |
| 8 | Đại cương Nghệ thuật học | <p>1. Kiến thức chung về nghệ thuật: quan niệm, nguồn gốc, chức năng, phân loại nghệ thuật.</p> <p>2. Kiến thức về những đặc trưng cơ bản của một số loại hình nghệ thuật: Mỹ thuật, Âm nhạc, Múa, Sân khấu, Điện ảnh.</p> <p>3. Kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa nghệ thuật với công tác Quản lý văn hóa.</p> <p>4. Kỹ năng vận dụng các kiến thức về Nghệ thuật học vào công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>5. Thái độ tích cực, chủ động phát huy chức năng, vai trò của nghệ thuật trong thực hành, thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 4 | Học kỳ 1 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) viết, tiểu luận |
| 9 | Những nguyên lý cơ bản của Chủ | - Xác định được những vấn đề chung lý luận kinh tế chính trị Mác- Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. | 3 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận |

| | | | | | |
|----|--|--|---|-----------------|--|
| | <p>nghĩa Mác-Lênin, Phần 2</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung cơ bản học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về chủ nghĩa xã hội. - Vận dụng được kiến thức học phần vào giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin. - Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, nêu cao trách nhiệm, tinh thần kỷ luật trong học tập và công tác. | | | <p>(40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |
| 10 | <p>Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản</p> | <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng soạn thảo, định dạng văn bản; thiết lập bảng tính và tính toán; thiết kế một bài thuyết trình; sử dụng Internet và kết hợp các toán tử để tìm kiếm thông tin.</p> | 4 | <p>Học kỳ 2</p> | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 11 | <p>Pháp luật đại cương</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật. - Vận dụng các quy định của pháp luật vào giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn. - Có nền tảng tư duy pháp luật để tiếp thu các học phần kiến thức ngành, chuyên ngành liên quan đến pháp luật trong chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học. - Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật tới cá nhân, cộng đồng và xã hội. Tạo nên sự bền vững ý thức pháp luật, kỷ cương phép nước và nền văn hóa pháp lý xã hội chủ nghĩa. | 2 | <p>Học kỳ 2</p> | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |

| | | | | | |
|----|---------------------------|---|---|----------|--|
| 12 | Giáo dục thể chất, Phần 1 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Điền kinh đối với cơ thể - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Điền kinh - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Điền kinh - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Điền kinh <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời. | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 13 | Lý luận văn hóa | <p>1.Kiến thức chung về khái niệm, đặc trưng, chức năng, cấu trúc và quy luật vận động cơ bản của văn hóa.</p> <p>2.Rèn luyện các kỹ năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, lập kế hoạch nghiên cứu, khảo sát một số vấn đề/hiện tượng văn hóa phổ biến trong đời sống xã hội.</p> <p>3. Vận dụng kiến thức lý luận</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực |

| | | | | | |
|---|---|---|---|----------|---|
| | | <p>văn hóa, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vào các lĩnh vực quản lý hoạt động văn hóa ở nước ta hiện nay.</p> <p>4. Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc.</p> | | | hành |
| 14 | Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa | <p>1. Kiến thức về khái niệm; đặc điểm của nghiên cứu khoa học, phân loại nghiên cứu khoa học.</p> <p>2. Kiến thức quy trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học văn hóa như: lựa chọn chủ đề và đề tài nghiên cứu; xác định mục đích, mục tiêu, đối tượng và phạm vi nghiên cứu; xác định câu hỏi, giả thuyết và lý thuyết nghiên cứu; xác định các phương pháp nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu, triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu; viết và báo cáo kết quả nghiên cứu.</p> <p>3. Kỹ năng viết đề cương nghiên cứu; tìm và sử dụng tài liệu; kỹ năng triển khai các phương pháp nghiên cứu; kỹ năng viết và báo cáo kết quả nghiên cứu.</p> <p>4. Thái độ tích cực tự học và rèn luyện các kỹ năng; chủ động tương tác bài giảng với giảng viên; thái độ tích cực làm việc nhóm, nghiêm túc trong quá trình thực hiện các bài tập thực hành theo yêu cầu.</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| Chọn 2 tín chỉ (từ số thứ tự 15 đến số thứ tự 24) | | | | | |
| 15 | Giáo dục nghệ thuật | <p>1. Kiến thức chung về Giáo dục nghệ thuật: Khái niệm, vai trò của Giáo dục nghệ thuật, sự khác biệt giữa Giáo dục nghệ thuật và</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). |

| | | | | | |
|----|-----------------------|--|---|----------|---|
| | | <p>giáo dục thông qua nghệ thuật, hoạt động Giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam và trên thế giới. Đặc điểm một số lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật đối với hoạt động Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>2. Kiến thức chung về khái niệm, nguyên tắc, mục tiêu, cấu trúc và quy trình xây dựng một chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>3. Ứng dụng các loại hình nghệ thuật vào công tác tổ chức xây dựng chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>4. Có ý thức phát huy chức năng, vai trò của nghệ thuật trong thực tiễn công tác tổ chức chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> | | | Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| 16 | Tâm lý học quản lý | <p>1. Kiến thức chung về Tâm lý học quản lý: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của Tâm lý học quản lý, lịch sử phát triển của Tâm lý học quản lý.</p> <p>2. Kiến thức chung về đặc điểm tâm lý, nhân cách của người lãnh đạo như phẩm chất, năng lực, uy tín, phong cách của người lãnh đạo; tâm lý học trong công tác quản lý cá nhân và quản lý tập thể; giao tiếp trong quản lý.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng kiến thức về Tâm lý học quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình quản lý.</p> <p>4. Thái độ tích cực, nghiêm túc về việc học tập và rèn luyện những phẩm chất và năng lực của một người quản lý.</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| 17 | Văn hóa dân gian Việt | <p>1. Nắm được những kiến thức chung về văn hóa dân gian: Khái niệm, đặc trưng, chức năng; các</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ |

| | | | | | |
|----|---------------------------------|---|---|----------|---|
| | Nam | <p>thành tố của văn hóa dân gian.</p> <p>2. Rèn luyện các kỹ năng hệ thống hóa các thành tố của văn hóa dân gian Việt Nam; phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các giá trị văn hóa dân gian; văn hóa dân gian ứng dụng trong đời sống đương đại.</p> <p>3. Vận dụng những hiểu biết về văn hóa dân gian vào việc quản lý văn hóa.</p> <p>4. Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.</p> | | | <p>phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận, thuyết trình</p> |
| 18 | Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam | <p>1. Kiến thức chung về tín ngưỡng và tôn giáo: khái niệm, nguồn gốc, chức năng và bản chất của tín ngưỡng và tôn giáo.</p> <p>2. Kiến thức về một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>3. Kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng và tôn giáo hiện nay</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động trong việc phát huy vai trò, chức năng của tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống hiện nay.</p> | 2 | Học kỳ 2 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận</p> |
| 19 | Điền dã Văn hóa học | <p>1. Kiến thức về các thuật ngữ điền dã, địa bàn điền dã, mẫu nghiên cứu, kế hoạch điền dã, đạo đức nghiên cứu, mạng lưới xã hội trong điền dã; mục đích, nguyên tắc, ưu, nhược điểm của điền dã Văn hóa học.</p> <p>2. Kiến thức về quy trình thực hiện một cuộc điền dã Văn hóa học như: lựa chọn địa bàn điền dã, xây dựng kế hoạch điền dã, tổ chức tập huấn nhân sự tham gia điền dã, rà soát công tác chuẩn bị,</p> | 2 | Học kỳ 2 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành</p> |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|--|---|----------|---|
| | | <p>triển khai điền dã, xử lý thông tin điền dã, củng cố mối quan hệ “hậu điền dã”.</p> <p>3. Các kỹ năng xây dựng kế hoạch điền dã, thực hiện cuộc điền dã, xử lý thông tin điền dã.</p> <p>4. Thái độ tích cực tự học và rèn luyện các kỹ năng; chủ động tương tác với giảng viên trong quá trình học tập; thái độ tích cực làm việc nhóm, nghiêm túc trong quá trình thực hiện cuộc điền dã Văn hóa học.</p> | | | |
| 20 | Phương pháp nghiên cứu định tính | <p>1. Kiến thức và vai trò của các phương pháp nghiên cứu định tính trong lĩnh vực quản lý văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>2. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định tính, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định tính trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>3. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định tính. Trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>Có tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 21 | Phương pháp nghiên cứu định lượng | <p>1. Kiến thức về các khái niệm, phương pháp thiết kế, vai trò của nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực quản lý Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 2 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi |

| | | | | | |
|----|----------------------|--|---|----------|---|
| | | <p>2. Sử dụng các nguyên tắc chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu cho các thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản.</p> <p>3. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định lượng, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định lượng trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định lượng. Đánh giá, trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>5. Tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | | | <p>kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 22 | Kỹ năng thuyết trình | <p>1. Kiến thức chung về thuyết trình và phương pháp xây dựng bài thuyết trình.</p> <p>2. Kỹ năng vận dụng phương pháp đã học vào việc viết bài thuyết trình.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc diễn đạt bài thuyết trình.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động trong công tác lãnh đạo, quản lý và diễn giải, nói chuyện trước công chúng ở cơ sở.</p> | 2 | Học kỳ 2 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |

1.2. Chuyên ngành: Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật (Khóa: 2021 - 2025)

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|----------------------|--|------------|----------------------|---|
| 1 | Tu tưởng Hồ Chí Minh | <p>- Về kiến thức: Cung cấp và trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản có tính hệ thống của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như giá trị tinh thần của tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện tư duy lý luận, giúp sinh viên hiểu rõ nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta, từ đó có nhận thức đúng đắn và phương pháp làm việc khoa học, biết chủ động giải quyết các vấn đề đặt ra trong cuộc sống theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước.</p> <p>- Về thái độ: Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị; góp phần củng cố niềm tin yêu về lý tưởng cách mạng mà Bác Hồ và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn.</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận |
| 2 | Anh văn, Phần 1 | <p>Kiến thức Người học nắm rõ một lượng từ vựng nhất định về một số lĩnh vực cụ thể và ngữ pháp cơ bản sau:</p> <p>Về từ vựng: gia đình, bạn bè, hàng xóm; trường lớp; nhà cửa, quê hương; mối quan hệ (hôn nhân, hẹn hò); du lịch, giao thông; thực phẩm, thói quen ăn uống.</p> <p>Về ngữ pháp: các cấu trúc câu hỏi; thì quá khứ đơn và tiếp diễn; thì hiện tại đơn và tiếp diễn; danh từ đếm được/không đếm được, đại từ bất định; thì tương</p> | 4 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%): kỹ năng Nghe, Viết, đọc, Nói. Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận |

| | | | | | |
|---|----------------------|--|---|----------|---|
| | | <p>lai; so sánh hơn kém và so sánh nhất.</p> <p>Kỹ năng Người học sử dụng được 4 kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ trung cấp 1 (BẬC 3) với các yêu cầu cụ thể theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) theo Thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014.</p> <p>Thái độ Có hứng thú, sẵn sàng tự học, tự rèn luyện, trau dồi kỹ năng tiếng Anh, khắc phục, tự sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp. Tích cực, tự tin làm việc nhóm, thảo luận. Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp</p> | | | |
| 3 | Tiếng Việt thực hành | <p>Người học có được kiến thức cơ bản và thành thạo kỹ năng phân tích, tạo lập và biên tập văn bản tiếng Việt, chú trọng văn bản khoa học để rèn luyện tư duy khoa học; đồng thời, trân trọng và gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ trong soạn thảo văn bản.</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận</p> |
| 4 | Xã hội học đại cương | <p>- <i>Về kiến thức</i>: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản, có hệ thống về Xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học, cơ cấu của Xã hội học, các khái niệm của Xã hội học.</p> <p>- <i>Về kỹ năng</i>: Thực hiện được các kỹ năng nghiên cứu, phân tích vấn đề xã hội để có thể tự triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học về các vấn đề xã hội.</p> <p>- <i>Về thái độ</i>: Thực hiện nghiêm túc ý thức tự giác điều</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |

| | | | | | |
|---|---------------------------|---|---|----------|---|
| | | chỉnh các hành vi xã hội của bản thân. Sinh viên biết tham gia, lắng nghe, tin tưởng và thể hiện quan điểm của bản thân về các vấn đề xã hội. Đồng thời có thái độ quan tâm nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội. | | | |
| 5 | Giáo dục thể chất, Phần 2 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Bóng chuyền đối với cơ thể - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Bóng chuyền - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyền <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Bóng chuyền - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng chuyền <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời. | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 6 | Kinh tế học văn hóa | 1. Kiến thức cơ bản của Kinh tế học văn hóa như: khái niệm, các quy luật, các lý thuyết. | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). |

| | | | | | |
|--|---------------------|--|---|----------|--|
| | | <p>2. Kiến thức về thị trường văn hóa như: khái niệm, đặc điểm, phân loại, tiêu dùng văn hóa, thương mại hóa sản phẩm văn hóa.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý thị trường văn hóa.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước trong xây dựng và phát triển thị trường văn hóa.</p> | | | Điểm thi kết thúc học phần (60%) viết, tiểu luận |
| Chọn 4 tín chỉ (từ số thứ tự 7 đến số thứ tự 16) | | | | | |
| 7 | Giáo dục nghệ thuật | <p>1. Kiến thức chung về Giáo dục nghệ thuật: Khái niệm, vai trò của Giáo dục nghệ thuật, sự khác biệt giữa Giáo dục nghệ thuật và giáo dục thông qua nghệ thuật, hoạt động Giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam và trên thế giới. Đặc điểm một số lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật đối với hoạt động Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>2. Kiến thức chung về khái niệm, nguyên tắc, mục tiêu, cấu trúc và quy trình xây dựng một chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>3. Ứng dụng các loại hình nghệ thuật vào công tác tổ chức xây dựng chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>4. Có ý thức phát huy chức năng, vai trò của nghệ thuật trong thực tiễn công tác tổ chức chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| 8 | Tâm lý học quản lý | <p>1. Kiến thức chung về Tâm lý học quản lý: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của Tâm lý học quản lý, lịch sử phát triển của Tâm lý học quản lý.</p> <p>2. Kiến thức chung về đặc</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc |

| | | | | | |
|----|---------------------------------|---|---|----------|---|
| | | <p>điểm tâm lý, nhân cách của người lãnh đạo như phẩm chất, năng lực, uy tín, phong cách của người lãnh đạo; tâm lý học trong công tác quản lý cá nhân và quản lý tập thể; giao tiếp trong quản lý.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng kiến thức về Tâm lý học quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình quản lý.</p> <p>4. Thái độ tích cực, nghiêm túc về việc học tập và rèn luyện những phẩm chất và năng lực của một người quản lý.</p> | | | <p>học phần (60%) thuyết trình, thực hành</p> |
| 9 | Văn hóa dân gian Việt Nam | <p>1. Nắm được những kiến thức chung về văn hóa dân gian: Khái niệm, đặc trưng, chức năng; các thành tố của văn hóa dân gian.</p> <p>2. Rèn luyện các kỹ năng hệ thống hóa các thành tố của văn hóa dân gian Việt Nam; phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các giá trị văn hóa dân gian; văn hóa dân gian ứng dụng trong đời sống đương đại.</p> <p>3. Vận dụng những hiểu biết về văn hóa dân gian vào việc quản lý văn hóa.</p> <p>4. Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận, thuyết trình</p> |
| 10 | Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam | <p>1. Kiến thức chung về tín ngưỡng và tôn giáo: khái niệm, nguồn gốc, chức năng và bản chất của tín ngưỡng và tôn giáo.</p> <p>2. Kiến thức về một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>3. Kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng và tôn giáo hiện nay</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu</p> |

| | | | | | |
|----|----------------------------------|--|---|----------|---|
| | | 4. Thái độ tích cực, chủ động trong việc phát huy vai trò, chức năng của tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống hiện nay. | | | luận |
| 11 | Điền dã Văn hóa học | <p>1. Kiến thức về các thuật ngữ điền dã, địa bàn điền dã, mẫu nghiên cứu, kế hoạch điền dã, đạo đức nghiên cứu, mạng lưới xã hội trong điền dã; mục đích, nguyên tắc, ưu, nhược điểm của điền dã Văn hóa học.</p> <p>2. Kiến thức về quy trình thực hiện một cuộc điền dã Văn hóa học như: lựa chọn địa bàn điền dã, xây dựng kế hoạch điền dã, tổ chức tập huấn nhân sự tham gia điền dã, rà soát công tác chuẩn bị, triển khai điền dã, xử lý thông tin điền dã, củng cố mối quan hệ “hậu điền dã”.</p> <p>3. Các kỹ năng xây dựng kế hoạch điền dã, thực hiện cuộc điền dã, xử lý thông tin điền dã.</p> <p>4. Thái độ tích cực tự học và rèn luyện các kỹ năng; chủ động tương tác với giảng viên trong quá trình học tập; thái độ tích cực làm việc nhóm, nghiêm túc trong quá trình thực hiện cuộc điền dã Văn hóa học.</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu định tính | <p>4. Kiến thức và vai trò của các phương pháp nghiên cứu định tính trong lĩnh vực quản lý văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>5. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định tính, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định tính trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |

| | | | | | |
|----|-----------------------------------|---|---|----------|---|
| | | <p>6. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định tính. Trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>7. Có tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | | | |
| 13 | Phương pháp nghiên cứu định lượng | <p>1. Kiến thức về các khái niệm, phương pháp thiết kế, vai trò của nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực quản lý Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>2. Sử dụng các nguyên tắc chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu cho các thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản.</p> <p>3. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định lượng, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định lượng trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định lượng. Đánh giá, trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>5. Tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 14 | Kỹ năng | <p>1. Kiến thức chung về thuyết trình và phương pháp xây dựng</p> | 2 | Học kỳ 3 | Điểm đánh giá bộ |

| | | | | | |
|----|--|--|---|----------|---|
| | thuyết trình | <p>bài thuyết trình.</p> <p>2. Kỹ năng vận dụng phương pháp đã học vào việc viết bài thuyết trình.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc diễn đạt bài thuyết trình.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động trong công tác lãnh đạo, quản lý và diễn giải, nói chuyện trước công chúng ở cơ sở.</p> | | | <p>phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 15 | Quản lý nhà nước về văn hóa 1 | <p>1. Kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về văn hóa như: khái niệm, nguyên tắc, các phương thức quản lý, chủ thể, đối tượng quản lý, mục tiêu và nội dung quản lý nhà nước về văn hóa.</p> <p>2. Kiến thức về hệ thống pháp luật văn hóa Việt Nam.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống thực tế trong quản lý văn hóa.</p> <p>4. Thái độ tôn trọng sự khác biệt, đa dạng văn hóa; ý thức trách nhiệm với việc xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc trong xu thế hội nhập.</p> | 3 | Học kỳ 3 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) viết, vấn đáp</p> |
| 16 | Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | <p>- Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, đường lối phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, đối ngoại và giải quyết các vấn đề xã hội của Đảng trong thời kỳ đổi mới.</p> <p>- Về kỹ năng: Rèn luyện các kỹ năng tổng hợp, phân tích ở người học. Sinh viên có khả năng giải thích và bày tỏ được quan</p> | 3 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận</p> |

| | | | | | |
|----|-----------------------|---|---|----------|---|
| | | <p>điểm của bản thân về đường lối của Đảng. Thông qua việc tổ chức, tham gia các buổi thảo luận, thực tế, tạo nên thói quen làm việc nhóm ở sinh viên.</p> <p>- <i>Về thái độ</i>: Bồi dưỡng ý thức tự giác chấp hành đường lối của Đảng. Sinh viên biết lắng nghe, tin tưởng và thể hiện quan điểm của bản thân về đường lối cách mạng của Đảng. Đồng thời có thái độ quan tâm, nâng cao ý thức trách nhiệm trước những nhiệm vụ dựng xây và phát triển đất nước.</p> | | | |
| 17 | Anh Phần 2 văn, | <p>Kiến thức Người học nắm rõ một lượng từ vựng nhất định về một số lĩnh vực cụ thể và ngữ pháp cơ bản sau:</p> <p>Về từ vựng: công việc, nghề nghiệp; máy tính; truyền hình, điện ảnh; động vật, sức khỏe; đồ vật, trang phục; các quốc gia, lễ hội, ngôn ngữ.</p> <p>Về ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành; câu phỏng đoán, câu điều kiện; thì hiện tại hoàn thành; câu có trạng ngữ chỉ mục đích, động từ khiếm khuyết chỉ sự bắt buộc; câu phức có mệnh đề quan hệ.</p> <p>Kỹ năng Người học sử dụng được 4 kỹ năng tiếng Anh: nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ trung cấp 1 (BẮC 3) với các yêu cầu cụ thể theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (KNLNNVN) theo Thông tư Số: 01/2014/TT-BGDĐT ban hành ngày 24 tháng 01 năm 2014.</p> <p>Thái độ Có hứng thú, sẵn sàng tự học,</p> | 4 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) với kỹ năng Nghe, Viết, Đọc, Nói. Vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận</p> |

| | | | | | |
|---|---------------------------|---|---|----------|---|
| | | tự rèn luyện, trau dồi kỹ năng tiếng Anh, khắc phục, tự sửa lỗi từ vựng, ngữ pháp. Tích cực, tự tin làm việc nhóm, thảo luận. Tự tin sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp. | | | |
| 18 | Giáo dục thể chất, Phần 3 | <p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết, hiểu được ý nghĩa và tác dụng môn Bóng đá đối với cơ thể - Thực hành được các kỹ thuật cơ bản, phương pháp tổ chức tập luyện môn Bóng đá - Biết, hiểu một số điều luật cơ bản, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp tổ chức của một buổi tập luyện để tăng cường thể lực - Thực hành được kỹ thuật, kỹ năng cơ bản môn Bóng đá - Hiểu, có thể làm được phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn Bóng đá <p>Thái độ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và tích cực tham gia các phong trào thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường - Hình thành thái độ ham thích tự tập luyện thể dục thể thao, coi đó là phương tiện để tăng cường thể lực và giữ gìn sức khỏe suốt đời. | 1 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| Chọn 2 tín chỉ (từ số thứ tự 21 đến số thứ tự 30) | | | | | |
| 19 | Giáo dục nghệ thuật | 1. Kiến thức chung về Giáo dục nghệ thuật: Khái niệm, vai trò | 2 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ |

| | | | | | |
|----|--------------------|--|---|----------|--|
| | | <p>của Giáo dục nghệ thuật, sự khác biệt giữa Giáo dục nghệ thuật và giáo dục thông qua nghệ thuật, hoạt động Giáo dục nghệ thuật ở Việt Nam và trên thế giới. Đặc điểm một số lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật đối với hoạt động Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>2. Kiến thức chung về khái niệm, nguyên tắc, mục tiêu, cấu trúc và quy trình xây dựng một chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>3. Ứng dụng các loại hình nghệ thuật vào công tác tổ chức xây dựng chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> <p>4. Có ý thức phát huy chức năng, vai trò của nghệ thuật trong thực tiễn công tác tổ chức chương trình Giáo dục nghệ thuật.</p> | | | <p>phần (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) tuyệt trình thực hành</p> |
| 20 | Tâm lý học quản lý | <p>1. Kiến thức chung về Tâm lý học quản lý: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của Tâm lý học quản lý, lịch sử phát triển của Tâm lý học quản lý.</p> <p>2. Kiến thức chung về đặc điểm tâm lý, nhân cách của người lãnh đạo như phẩm chất, năng lực, uy tín, phong cách của người lãnh đạo; tâm lý học trong công tác quản lý cá nhân và quản lý tập thể; giao tiếp trong quản lý.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng kiến thức về Tâm lý học quản lý để giải quyết các vấn đề trong quá trình quản lý.</p> <p>4. Thái độ tích cực, nghiêm túc về việc học tập và rèn luyện những phẩm chất và năng lực của một người quản lý.</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành</p> |

| | | | | | |
|----|---------------------------------|---|---|----------|---|
| 21 | Văn hóa dân gian Việt Nam | <p>1. Nắm được những kiến thức chung về văn hóa dân gian: Khái niệm, đặc trưng, chức năng; các thành tố của văn hóa dân gian.</p> <p>2. Rèn luyện các kỹ năng hệ thống hóa các thành tố của văn hóa dân gian Việt Nam; phân tích, tổng hợp, so sánh, đánh giá các giá trị văn hóa dân gian; văn hóa dân gian ứng dụng trong đời sống đương đại.</p> <p>3. Vận dụng những hiểu biết về văn hóa dân gian vào việc quản lý văn hóa.</p> <p>4. Hình thành thái độ trân trọng, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tự luận, thuyết trình</p> |
| 22 | Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam | <p>1. Kiến thức chung về tín ngưỡng và tôn giáo: khái niệm, nguồn gốc, chức năng và bản chất của tín ngưỡng và tôn giáo.</p> <p>2. Kiến thức về một số tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>3. Kiến thức về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng và tôn giáo hiện nay</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động trong việc phát huy vai trò, chức năng của tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống hiện nay.</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) tiểu luận</p> |
| 23 | Điền dã Văn hóa học | <p>1. Kiến thức về các thuật ngữ điền dã, địa bàn điền dã, mẫu nghiên cứu, kế hoạch điền dã, đạo đức nghiên cứu, mạng lưới xã hội trong điền dã; mục đích, nguyên tắc, ưu, nhược điểm của điền dã Văn hóa học.</p> <p>2. Kiến thức về quy trình thực hiện một cuộc điền dã Văn hóa học như: lựa chọn địa bàn điền dã,</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực</p> |

| | | | | | |
|----|----------------------------------|---|---|----------|---|
| | | <p>xây dựng kế hoạch điền dã, tổ chức tập huấn nhân sự tham gia điền dã, rà soát công tác chuẩn bị, triển khai điền dã, xử lý thông tin điền dã, củng cố mối quan hệ “hậu điền dã”.</p> <p>3. Các kỹ năng xây dựng kế hoạch điền dã, thực hiện cuộc điền dã, xử lý thông tin điền dã.</p> <p>4. Thái độ tích cực tự học và rèn luyện các kỹ năng; chủ động tương tác với giảng viên trong quá trình học tập; thái độ tích cực làm việc nhóm, nghiêm túc trong quá trình thực hiện cuộc điền dã Văn hóa học.</p> | | | hành |
| 24 | Phương pháp nghiên cứu định tính | <p>8. Kiến thức và vai trò của các phương pháp nghiên cứu định tính trong lĩnh vực quản lý văn hóa, nghệ thuật.</p> <p>9. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định tính, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định tính trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>10. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định tính. Trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>Có tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 25 | Phương pháp nghiên cứu | <p>1. Kiến thức về các khái niệm, phương pháp thiết kế, vai trò của</p> | 2 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ |

| | | | | | |
|----|------------------------|---|---|----------|---|
| | định lượng | <p>ngiên cứu định lượng trong lĩnh vực quản lý Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>2. Sử dụng các nguyên tắc chọn mẫu và tính toán cỡ mẫu cho các thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản.</p> <p>3. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu định lượng, trình tự các bước nghiên cứu theo dạng định lượng trong thiết kế công cụ thu thập thông tin vào công tác quản lý các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Kỹ năng xử lý thông tin khảo sát, phân tích, diễn giải dữ liệu định lượng. Đánh giá, trình bày và dự báo một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>5. Tinh thần đoàn kết, kiên trì, cầu thị và chủ động phát huy khả năng nghiên cứu vào thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | | | <p>phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 26 | Kỹ năng thuyết trình | <p>1. Kiến thức chung về thuyết trình và phương pháp xây dựng bài thuyết trình.</p> <p>2. Kỹ năng vận dụng phương pháp đã học vào việc viết bài thuyết trình.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc diễn đạt bài thuyết trình.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động trong công tác lãnh đạo, quản lý và diễn giải, nói chuyện trước công chúng ở cơ sở.</p> | 2 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành</p> |
| 27 | Chính sách văn hóa, xã | <p>1. Kiến thức chung về định nghĩa, lịch sử hình thành chính</p> | 3 | Học kỳ 4 | Điểm đánh giá bộ |

| | | | | | |
|----|-------------------------------|--|---|----------|---|
| | hội | <p>sách văn hóa, xã hội; vai trò, đặc tính, các thành tố của chính sách văn hóa, xã hội; mô hình chính sách văn hóa, xã hội của một số nước trên thế giới.</p> <p>2. Kiến thức về bối cảnh ra đời và nội dung chính sách văn hóa, xã hội ở Việt Nam qua các thời kỳ.</p> <p>3. Kiến thức về cơ sở, công cụ, tiêu chí, quy trình đánh giá công tác thực hiện chính sách văn hóa, xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>4. Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc đánh giá thực trạng thực hiện chính sách văn hóa, xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>5. Thái độ tích cực tự học và rèn luyện các kỹ năng; chủ động tương tác bài giảng với giảng viên; thái độ tích cực làm việc nhóm, nghiêm túc trong quá trình thực hiện các bài tập thực hành theo yêu cầu.</p> | | | <p>phần (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) vấn đáp, tự luận</p> |
| 28 | Quản lý nhà nước về văn hóa 2 | <p>1. Kiến thức chung về quản lý nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa.</p> <p>2. Kiến thức chung về quản lý cơ sở vật chất trong các thiết chế văn hóa.</p> <p>3. Kiến thức chung về quản lý tài chính trong các thiết chế văn hóa.</p> <p>4. Kỹ năng nghiên cứu, giải quyết các tình huống, vấn đề (đơn giản) liên quan đến công tác quản lý nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính trong các thiết chế văn hóa hiện nay.</p> | 4 | Học kỳ 4 | <p>Điểm đánh giá bộ phận (40%).</p> <p>Điểm thi kết thúc học phần (60%) viết, tiểu luận</p> |

**1.3. Chuyên ngành: Tổ chức, dàn dựng chương trình văn hóa nghệ thuật
(Khóa: 2020 - 2024)**

| STT | Tên học phần | Mục tiêu học phần | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---------------------------------------|--|------------|----------------------|--|
| 1 | Quản lý nhà nước về văn hóa 3 | <p>1. Kiến thức chung về quản trị hành chính văn phòng: khái niệm quản trị văn phòng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức.</p> <p>2. Kiến thức chung về nghiệp vụ cơ bản của văn phòng: quản lý văn bản; soạn thảo, ban hành văn bản; thư ký và công tác lễ tân văn phòng...</p> <p>3. Vận dụng các kiến thức đã học vào việc thực hành quản trị văn phòng trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật.</p> <p>4. Thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động phát huy kiến thức vào thực tiễn quản trị văn phòng.</p> | 4 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành, thuyết trình |
| 2 | Phát triển đời sống văn hóa cộng đồng | <p>1. Kiến thức chung về văn hóa, đời sống văn hóa, phát triển cộng đồng, phát triển văn hoá cộng đồng: khái niệm, đặc điểm, các loại hình cộng đồng, quan điểm, ý nghĩa, mục đích.</p> <p>2. Kiến thức chung về đặc điểm văn hoá cộng đồng Việt Nam, chính sách qua các thời kỳ, mô hình quản lý.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học trong việc đề xuất các phương thức tổ chức hoạt động văn hóa nhằm phát triển văn hóa phù hợp đối với đời sống văn hóa từng cộng đồng cụ thể.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động phát huy chức năng, vai trò của</p> | 2 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, tiểu luận |

| | | | | | |
|---|---------------------|--|---|----------|---|
| | | văn hóa trong thực tiễn công tác quản lý, tổ chức hoạt động phát triển đời sống văn hóa cộng đồng. | | | |
| 3 | Chất liệu múa | <p>1. Những kiến thức cơ bản về chất liệu múa, đặc trưng, phân loại chất liệu múa, cơ sở hình thành và quy trình sáng tạo của chất liệu múa, vai trò của chất liệu múa dân gian dân tộc và hiện đại.</p> <p>2. Kiến thức cơ bản và nhận biết được các chất liệu múa dân gian của một số dân tộc Việt Nam và múa hiện đại.</p> <p>3. Kỹ năng vận dụng các kiến thức về chất liệu múa vào việc dàn dựng các tiết mục múa đơn giản trong các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật tại cơ sở.</p> <p>4. Thái độ tích cực, chủ động phát huy vai trò của múa trong thực tiễn công tác quản lý văn hóa tại các đơn vị cơ sở, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc qua việc thực hành chất liệu múa dân gian dân tộc Việt Nam.</p> | 5 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 4 | Kỹ thuật thanh nhạc | <p>1. Kiến thức chung về thanh nhạc: khái niệm, thể loại, đặc điểm.</p> <p>2. Kiến thức cơ bản về cơ chế hoạt động của bộ máy phát âm. Hơi thở thanh nhạc, cách phân loại giọng hát, đặc điểm từng loại giọng, tiêu chuẩn âm thanh</p> <p>3. Kỹ năng thực hành kỹ thuật thanh nhạc và biểu diễn các tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>4. Thái độ tích cực học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn, phát huy vai trò nghệ thuật thanh nhạc trong tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 5 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |

| | | | | | |
|---|--|--|---|----------|---|
| 5 | Truyền thông marketing chương trình Văn hóa Nghệ thuật | <p>1. Kiến thức cơ bản về truyền thông marketing như: khái niệm, vai trò, quá trình truyền thông.</p> <p>2. Kỹ năng nghiên cứu hành vi của công chúng chương trình văn hóa nghệ thuật.</p> <p>3. Kỹ năng xây dựng kế hoạch truyền thông marketing chương trình Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Thái độ tôn trọng các nguyên tắc đạo đức trong truyền thông marketing và chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa Nghệ thuật.</p> | 3 | Học kỳ 5 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thuyết trình, thực hành |
| Chọn 4 tín chỉ (từ số thứ tự 5 đến số thứ tự 9) | | | | | |
| 6 | Kỹ thuật biểu diễn | <p>1. Kiến thức chung về diễn viên và nghệ thuật diễn xuất.</p> <p>2. Kiến thức và các kỹ năng thực hành về kỹ thuật biểu diễn các đơn nguyên sân khấu.</p> <p>3. Kỹ năng biểu diễn tiểu phẩm- kịch ngắn.</p> <p>4. Ý thức tự học, tự rèn luyện các kỹ năng liên quan đến kỹ thuật biểu diễn. Cách đưa ra các tình huống, tiểu phẩm, bài tập trong quá trình học tập và thi kết thúc học phần. Biết cách quy tụ và thuyết phục các thành viên trong nhóm làm việc theo ý tưởng của mình. Cách chủ động làm việc với giảng viên trong việc chọn lựa các tiết mục trong chương trình dự thi kết thúc học phần.</p> | 5 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 7 | Thiết kế mỹ thuật chương trình Văn hóa Nghệ thuật | <p>1. Kiến thức cơ bản về thiết kế mỹ thuật.</p> <p>2. Kiến thức về quy trình thiết kế mỹ thuật chương trình Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>3. Kỹ năng thiết kế mỹ thuật</p> | 4 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi |

| | | | | | |
|---|-----------------------------|--|---|----------|--|
| | | cho các chương trình Văn hóa Nghệ thuật. 4. Ý thức nghiêm túc nghe giảng và vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc thực tế. | | | kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 8 | Kỹ thuật âm thanh, ánh sáng | 1. Kiến thức chung về thiết bị âm thanh, ánh sáng. 2. Kiến thức về kỹ thuật xử lý âm thanh, ánh sáng. 3. Kỹ năng xử lý âm thanh, ánh sáng trong các hoạt động, sự kiện Văn hóa Nghệ thuật. 4. Thái độ tích cực, ý thức nghiêm túc, trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp. Phát huy vai trò, chức năng của trang thiết bị kỹ thuật trong tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật. | 3 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| Chọn 4 tín chỉ (từ số thứ tự 10 đến số thứ tự 13) | | | | | |
| 9 | Kỹ năng giao tiếp và ứng xử | 1. Kiến thức chung về nghệ thuật giao tiếp và ứng xử, khái niệm giao tiếp, ứng xử, các hành vi giao tiếp. 2. Kiến thức về đặc điểm tâm lý giao tiếp và ứng xử, phương pháp giao tiếp - ứng xử. 3. Kỹ năng giao tiếp- ứng xử. 4. Thái độ tích cực, tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, chủ động trong việc học và làm việc nhóm, ứng dụng các kỹ năng vào công tác Quản lý văn hóa. Có thái độ tích cực đổi mới trong giao tiếp để đạt hiệu quả tốt hơn. | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 10 | Kỹ năng làm việc nhóm | 1. Kiến thức chung về làm việc nhóm, phân loại nhóm và vai trò làm việc nhóm. 2. Các giai đoạn phát triển nhóm, phân công công việc trong | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). |

| | | | | | |
|----|-----------------------------|---|---|----------|--|
| | | <p>nhóm.</p> <p>3. Nội dung, phương pháp kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động quản lý Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Thái độ tích cực, tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, chủ động trong việc học và làm việc nhóm, ứng dụng các kỹ năng vào công tác Quản lý văn hóa.</p> | | | Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 11 | Kỹ năng giải quyết xung đột | <p>1. Kiến thức chung về kỹ năng giải quyết xung đột, khái niệm xung đột, phân loại xung đột và ý nghĩa xung đột.</p> <p>2. Phân tích các dạng xung đột và nguyên nhân dẫn đến xung đột.</p> <p>3. Nội dung ,phương án giải quyết xung đột, các bước giải quyết xung đột và nguyên tắc giải quyết xung đột trong hoạt động quản lý Văn hóa Nghệ thuật.</p> <p>4. Thái độ tích cực, tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, chủ động trong việc học và làm việc nhóm, ứng dụng các kỹ năng vào công tác Quản lý văn hoá.</p> | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |
| 12 | Tổ chức sự kiện | <p>1. Kiến thức chung về Tổ chức sự kiện: Lịch sử hình thành, phân loại sự kiện, vai trò của Tổ chức sự kiện, phẩm chất của người làm Tổ chức sự kiện, quy trình Tổ chức sự kiện.</p> <p>2. Kiến thức cơ bản về cách tìm và hình thành ý tưởng sự kiện, lập kế hoạch, mỹ thuật sự kiện, viết kịch bản và dàn dựng sự kiện, truyền thông sự kiện, truyền thông, marketing và xin tài trợ sự kiện, sản xuất sự kiện, quản lý rủi ro trong sự kiện.</p> <p>3. Kỹ năng tổ chức các sự kiện.</p> | 2 | Học kỳ 6 | Điểm đánh giá bộ phận (40%). Điểm thi kết thúc học phần (60%) thực hành |

| | | | | | |
|----|--------------------|---|---|----------|---------|
| | | 4. Có ý thức tự học, tự rèn luyện các kỹ năng liên quan đến Tổ chức sự kiện; có thái độ cầu tiến, lắng nghe; tinh thần phản biện trao đổi với giảng viên và các sinh viên khác. | | | |
| 13 | Thực tập giữa khóa | <p>1. Kiến thức tổng quan về thực tập giữa khóa.</p> <p>2. Kỹ năng khảo sát, tìm hiểu, phân tích, đánh giá về các hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực tập và viết báo cáo thực tập;</p> <p>3. Kỹ năng thực hiện một số hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực Tổ chức hoạt động Văn hóa Nghệ thuật, viết báo cáo thực tập .</p> <p>4. Thái độ biết tiếp thu, học hỏi kinh nghiệm, tác phong làm việc, ứng xử tại nơi thực tập.</p> | 2 | Học kỳ 6 | Báo cáo |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dũng